

Số: 120/2018/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 08**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 122/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Nghị quyết số 140/2015/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 122/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 140/2015/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 122/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Trương Văn Sáu

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp, quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi của tỉnh.

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc; xe ô tô; tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao mua sắm, xử lý tài sản công quy định tại Quy định này gồm:

- Cơ quan nhà nước.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Không áp dụng đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh.

Chương II **PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG** **TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của đơn vị và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính về nguồn kinh phí:

- Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất.
- Xe ô tô (xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô chuyên dùng, phương tiện vận tải khác kể cả của các huyện, thị xã, thành phố).
- Các tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng/01 tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền tại Khoản 1 Điều này) từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán đầu năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở quyết định mua sắm tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 tài sản của cơ quan, đơn vị từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán đầu năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền tại các Khoản 1 khoản 2 của Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của đơn vị và đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch về nguồn kinh phí đối với các tài sản thuộc địa phương quản lý là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, tài sản khác có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và các chế độ quy định (trừ xe ô tô).

5. Thủ trưởng các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 tài sản của cơ quan, đơn vị từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán đầu năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 của Điều này).

6. Đối với việc mua sắm tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ở tỉnh thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các phòng, ban thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản (trừ trụ sở làm việc) phục vụ nhiệm vụ của đơn vị trong nguồn kinh phí được giao.

Điều 5. Thẩm quyền thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định thu hồi tài sản các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sử dụng không đúng tiêu chuẩn, định mức; sai mục đích, vượt tiêu chuẩn; tài sản cho thuê hoặc sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác; tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác; tài sản tự nguyện trả lại cho Nhà nước trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định thu hồi các tài sản trang bị, sử dụng không đúng mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức chế độ do Nhà nước quy định, cho thuê hoặc thực hiện các hoạt động kinh doanh khác của các cơ quan thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi tài sản các phòng, ban sử dụng không đúng tiêu chuẩn, định mức; sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, tài sản cho thuê hoặc sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác, tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác, tài sản tự nguyện trả lại cho Nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 6. Thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố và ngược lại theo đề nghị của đơn vị và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính đối với tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản khác giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố và ngược lại theo đề nghị của đơn vị đối với tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản (trừ tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản khác thuộc phạm vi quản lý (trừ những tài sản nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này) giữa các đơn vị trực thuộc và đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức và báo cáo với Sở Tài chính để theo dõi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, phương tiện giao thông vận tải và tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản giữa các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền của địa phương quản lý theo đề nghị của các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

5. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định điều chuyển tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các phòng, ban thuộc thẩm quyền địa phương quản lý (trừ tài sản thuộc Khoản 4 Điều này)

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công gồm trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công gồm: Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và tự chịu trách nhiệm (trừ tài sản thuộc các Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến của cơ quan cấp trên và tự chịu trách nhiệm (trừ tài sản theo các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này)

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định bán tài sản thuộc thẩm quyền địa phương quản lý là phương tiện giao thông vận tải, tài sản khác có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất) theo đề nghị của các phòng, ban và đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

6. Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn quyết định bán tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp (trừ tài sản theo các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5, Điều này) và tự chịu trách nhiệm.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công gồm: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đề nghị thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thuộc cấp tỉnh theo đề nghị thanh lý tài sản của các đơn vị (trừ tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo đúng quy định và tự chịu trách nhiệm (trừ tài sản thuộc thẩm quyền của các Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến của cơ quan cấp trên theo đúng quy định và tự chịu trách nhiệm (trừ tài sản theo các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này)

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền địa phương quản lý là xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả quyền sử dụng đất) theo đề nghị của các phòng, ban trên và đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

6. Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp theo đúng quy định và tự chịu trách nhiệm (trừ tài sản theo các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5 Điều này)

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản

Đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy tài sản công: Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định tiêu hủy.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do nguyên nhân khách quan khác thì cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại.

Chương III PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 11. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công từ nguồn vốn ngân sách, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, gồm:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất.
- Xe ô tô (xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô chuyên dùng, phương tiện vận tải khác)

- Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản tại Khoản 1 Điều này) đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này) từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động của đơn vị sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định việc thuê tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị (trừ tài sản thuộc Khoản 1, Khoản 2 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Chương II của Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Chương II của Quy định này.

Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản.

Điều 15. Thẩm quyền thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và các tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Chương II của Quy định này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với tài sản khác (trừ Khoản 1 Điều này).

Điều 16. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công

Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Chương II của Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Chương II của Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 18. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội.

Phân cấp mua sắm, xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội được thực hiện theo quy định tại các Điều 3 đến Điều 10 Chương II của Quy định này.

Đối với mua sắm, xử lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định các Điều 11 đến Điều 17 Chương III của Quy định này.

Điều 19. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Phân cấp mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, công trình xây dựng gắn liền với đất và tài sản khác mà Nhà nước giao tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, việc quản lý, sử dụng thực hiện theo nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các Điều 3 đến Điều 10 Chương II của Quy định này; đối với tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định tại các Điều 11 đến Điều 17 Chương III của Quy định này.

Chương V

PHÂN CẤP VỀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt Phương án điều chuyển tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo nội dung phân cấp bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy tài sản công tại Chương II của quy định này.

Chương VI

CÔNG KHAI, BÁO CÁO TÀI SẢN CÔNG

Điều 22. Công khai tình hình quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải công khai việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản, tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công, gồm: Đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, công trình xây

dụng; phương tiện giao thông vận tải; tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại các Điều 121 đến Điều 124 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 23. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện hạch toán với tất cả tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với tất cả tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan Sở Tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó; người đứng đầu cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Trương Văn Sáu